

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **16/2018/KDTM-ST**

Ngày: 17 - 12 - 2018.

V/v: “**Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa**”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Huỳnh Kim Yến**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Trần Lệ Nga**

2. Bà Huỳnh Ngọc Thi

- Thư ký phiên tòa: **Ông Nguyễn Nguyên Hưng** – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Rạch Giá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá tham gia phiên tòa: **Bà Đồng Thanh Lam** – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2017/TLST-KDTM ngày 16 tháng 10 năm 2017 về “**Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2018/QĐXX-ST ngày 12 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần I.

Địa chỉ: Số 500 đường T, phường L, quận K, Thành phố Cần Thơ.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Bình T - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc. (*Vắng mặt*)

- Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Chúc M – Kế toán công nợ - Công ty Cổ phần I (*Có mặt*)

(*Theo Giấy ủy quyền số 269/GUQ-ICT ngày 17/12/2018*).

2. Bị đơn: Bà Trương Thị Bé T- Chủ DNTN Đ. (*Vắng mặt*)

Địa chỉ trụ sở doanh nghiệp đồng thời là nơi cư trú của bà Bé T: Lô A2 Căn 9- 10 đường K, phường H, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty Cổ phần I trình bày:**

Bà Trương Thị Bé T – Chủ DNTN Đ có ký hợp đồng số 1804/13/HĐKT ngày 02/11/2013 và hợp đồng nguyên tắc số 01/14/2014 ngày 23/12/2013 với Công ty Cổ phần I để hợp đồng in hộp, in nhãn cho sản phẩm nước mắm của DNTN Đ. Theo thỏa thuận tại hợp đồng số 1804/13/HĐKT ngày 02/11/2013 thì giá trị hợp đồng là 277.950.000 đồng (*Hai trăm bảy mươi bảy triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng*), bà T phải thanh toán cho công ty 50% giá trị hợp đồng sau khi nhận đủ hàng, phần còn lại thanh toán dứt điểm trước ngày 15/01/2014. Đối với hợp đồng nguyên tắc số 01/14/2014 ngày 23/12/2013 hai bên thỏa thuận căn cứ vào số lượng, đơn giá được thể hiện theo từng đơn đặt hàng, DNTN Đ sẽ thanh toán 100% giá trị đơn hàng trong thời gian 25 ngày kể từ ngày giao hàng và xuất hóa đơn. Sau khi ký kết hợp đồng, Công ty Cổ phần I đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ, giao đầy đủ toàn bộ sản phẩm in theo đúng thỏa thuận. Tuy nhiên, bà T không thanh toán tiền đầy đủ cho công ty theo thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết, theo biên bản đối chiếu công nợ giữa hai bên tính đến ngày 31/3/2016 thì DNTN Đ còn nợ lại số tiền 143.506.000 đồng. Công ty đã nhiều lần liên hệ và yêu cầu bà T – Chủ DNTN Đ thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền nợ còn lại nhưng bà T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do đó, nguyên đơn khởi kiện bà Trương Thị Bé T – Chủ DNTN Đ tại Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, yêu cầu buộc bà Trương Thị Bé T thanh toán toàn bộ số tiền nợ còn lại cho nguyên đơn là 143.506.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 23/02/2016 đến ngày 20/9/2016 theo mức lãi suất 6,5%/năm là 5.392.000 đồng, tổng cộng là 148.898.000 đồng. Ngày 16/02/2017 Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều ra Quyết định số: 01/2017/QĐST-KDTM chuyển vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá giải quyết theo thẩm quyền.

Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn - bà Trần Chúc M xác định trong quá trình Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá thụ lý giải quyết vụ án, bà T có thanh toán thêm cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 45.000.000 đồng vào ngày 30/01/2018 bằng cách lấy sản phẩm nước mắm Đ để trừ nợ; hiện nay nợ gốc còn lại là 98.506.000 đồng, tiền lãi chậm trả tính từ ngày 23/02/2016 (thời điểm bị đơn ngừng thanh toán tiền) đến ngày 20/9/2016 (thời điểm nguyên đơn nộp đơn khởi kiện) là 5.392.000 đồng, tổng cộng là 103.898.000 đồng (*Một trăm lẻ ba triệu tám trăm chín mươi tám nghìn đồng*); do đó nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 45.000.000 đồng, yêu cầu bà T phải trả một lần dứt điểm số tiền 103.898.000 đồng cho nguyên đơn; ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

*** Bị đơn bà Trương Thị Bé T – Chủ DNTN Đ:** Đã được Tòa án lập thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến nay theo quy định pháp luật, tuy nhiên

bà T không có mặt và không có ý kiến phản hồi bằng văn bản cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa bà T vắng mặt.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu quan điểm:**

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; diễn biến tại phiên tòa Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục theo luật định, những người tham gia phiên tòa đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Trương Thị Bé T- Chủ DNTN Đ trả cho Công ty Cổ phần I số tiền nợ mua bán hàng hóa 98.506.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán 5.392.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 103.898.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Công ty Cổ phần I khởi kiện đối với bị đơn bà Trương Thị Bé T- Chủ DNTN Đ; Địa chỉ trụ sở doanh nghiệp đồng thời là nơi cư trú của bà Bé T tại: Lô A2 Căn 9- 10 đường K, phường H, thành phố G, tỉnh Kiên Giang; yêu cầu bà Bé T trả số tiền nợ hợp đồng in hộp, in nhãn nước mắm là 143.506.000 đồng và tiền lãi chậm trả từ ngày 23/02/2016 đến ngày 20/9/2016 là 5.392.000 đồng. Do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" và theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn bà Trương Thị Bé T – Chủ DNTN Đ tại phiên tòa: Bà Trương Thị Bé T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt; đại diện hợp pháp của nguyên đơn – bà Trần Chúc M đồng ý xét xử vắng mặt bà Bé T theo quy định pháp luật; do đó Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn- bà Trần Chúc M xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 45.000.000 đồng bị đơn đã trả cho nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án. Xét việc bà M đại diện nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, nội dung giấy ủy quyền của nguyên đơn xác định bà M được quyền rút lại một phần yêu cầu khởi kiện; do đó Hội đồng xét xử thống

nhất áp dụng khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 45.000.000 đồng.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

Bà Trương Thị Bé T – Chủ DNTN Đ đã tự nguyện giao kết hợp đồng số 1804/13/HĐKT ngày 02/11/2013 và hợp đồng nguyên tắc số 01/14/2014 ngày 23/12/2013 với Công ty Cổ phần I để in hộp, in nhãn cho sản phẩm nước mắm của DNTN Đ. Về phương thức thanh toán; theo hợp đồng số 1804/13/HĐKT ngày 02/11/2013 là bà Bé T phải thanh toán cho công ty 50% giá trị hợp đồng sau khi nhận đủ hàng, phần còn lại thanh toán dứt điểm trước ngày 15/01/2014; theo hợp đồng nguyên tắc số 01/14/2014 ngày 23/12/2013 thì căn cứ vào số lượng, đơn giá được thể hiện theo từng đơn đặt hàng, DNTN Đ sẽ thanh toán 100% giá trị đơn hàng trong thời gian 25 ngày kể từ ngày giao hàng và xuất hóa đơn.

Qua xem xét, đánh giá, Hội đồng xét xử nhận định các hợp đồng nêu trên được hai bên giao kết trên cơ sở tự nguyện, đúng trình tự quy định, nội dung thỏa thuận không trái pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Cổ phần I đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của bên bán, giao đầy đủ sản phẩm in theo đúng thỏa thuận; bị đơn đã nhận đủ hàng hóa nhưng vi phạm nghĩa vụ, không thanh toán tiền đầy đủ theo thỏa thuận cho nguyên đơn; theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 27/6/2016 có xác nhận của bà Bé T- Chủ DNTN Đ thì tính đến ngày 31/3/2016 DNTN Đ còn nợ công ty số tiền 143.506.000 đồng. Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn xác định trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn đã thanh toán thêm số tiền 45.000.000 vào ngày 30/01/2018, chỉ còn nợ lại 98.506.000 đồng (theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 19/3/2018) và tiền lãi chậm thanh toán 5.392.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 103.898.000 đồng (*Một trăm lẻ ba triệu tám trăm chín mươi tám nghìn đồng*); yêu cầu bị đơn phải trả ngay một lần số tiền trên cho nguyên đơn, không đồng ý cho bị đơn trả dần.

Về phía bị đơn, từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã lập thủ tục tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng thông báo nội dung, yêu cầu khởi kiện và tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, triệu tập bị đơn lấy lời khai, tham gia hòa giải, kiểm tra đối chiếu chứng cứ và tham gia phiên tòa. Tuy nhiên bà Trương Thị Bé T - Chủ DNTN Đ không có mặt theo triệu tập của Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như xác định trách nhiệm của mình đối với khoản nợ nguyên đơn yêu cầu thanh toán hoặc có ý kiến phản đối lời trình bày của nguyên đơn và các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết; trong khi theo Công văn số 1602/CCT-KK-KTT&TH ngày 16/7/2018 của Chi cục thuế thành phố Rạch Giá và Công văn số 78/CV-ĐKKD ngày 01/10/2018 của Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Kiên Giang thì DNTN Đ do bà Trương Thị Bé T làm chủ doanh

ngiệp (địa chỉ trụ sở chính và cũng là nơi cư trú của bà Bé T tại Lô A2 Căn 9- 10 đường K, phường H, thành phố G, tỉnh Kiên Giang) vẫn đang hoạt động, thực hiện khai báo và nộp thuế theo quy định. Căn cứ Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự thì *“Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”* và *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*.

Vì vậy, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp; đối chiếu với quy định tại Điều 24, Điều 50 Luật thương mại về hợp đồng mua bán hàng hóa, nghĩa vụ thanh toán của bên mua thì bà Trương Thị Bé T- Chủ DNTN Đ đã vi phạm nghĩa vụ nên bị đơn phải thanh toán toàn bộ số tiền hợp đồng in hộp, in nhãn nước mắm còn nợ lại 98.506.000 đồng theo yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật.

[5] Về phần lãi suất: Căn cứ vào Điều 3 của hợp đồng số 1804/13/HĐKT ngày 02/11/2013 và Điều III của hợp đồng nguyên tắc số 01/14/2014 ngày 23/12/2013, có thỏa thuận về việc tính lãi suất chậm thanh toán theo lãi suất ngân hàng tại thời điểm thanh toán. Theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại về quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán thì *‘Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác’*. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lãi chậm thanh toán từ ngày 23/02/2016 đến ngày 20/9/2016 theo mức lãi suất 6,5%/năm với số tiền lãi 5.392.000 đồng là thấp hơn mức lãi suất cơ bản do ngân hàng Nhà nước công bố (9%/năm). Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn xác định giữ nguyên yêu cầu tự nguyện tính lãi theo mức lãi suất 6,5%/năm, thời gian tính lãi từ ngày 23/2/2016 (đại diện nguyên đơn xác định là thời điểm bị đơn ngừng thanh toán tiền) đến ngày 20/9/2016 (thời điểm nguyên đơn nộp đơn khởi kiện); ngoài ra không có yêu cầu gì khác. Xét yêu cầu tính lãi chậm thanh toán của nguyên đơn là phù hợp quy định pháp luật và có lợi cho bị đơn nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, sau khi nghị án Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 45.000.000 đồng; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Trương Thị Bé T- chủ DNTN Đ trả cho nguyên đơn Công ty Cổ phần I số tiền 98.506.000 đồng và

tiền lãi chậm thanh toán 5.392.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là **103.898.000 đồng** (Một trăm lẻ ba triệu tám trăm chín mươi tám nghìn đồng).

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm giá ngạch là: (**103.898.000 đồng** x 5%) = **5.195.000 đồng** (Năm triệu một trăm chín mươi lăm nghìn đồng). Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **3.722.000 đồng** (Ba triệu bảy trăm hai mươi hai nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 24, 50, 306 Luật thương mại 2005; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần I với bị đơn bà Trương Thị Bé T - Chủ DNTN Đ đối với số tiền 45.000.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần I về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” đối với bị đơn bà Trương Thị Bé T - Chủ DNTN Đ.

Buộc bà Trương Thị Bé T- Chủ DNTN Đ trả cho Công ty Cổ phần I số tiền 98.506.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán 5.392.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là **103.898.000 đồng** (Một trăm lẻ ba triệu tám trăm chín mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn không trả số tiền nêu trên thì còn phải trả cho nguyên đơn khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Buộc bị đơn bà Trương Thị Bé T - Chủ DNTN Đ phải nộp án phí sơ thẩm có giá ngạch là **5.195.000 đồng** (Năm triệu một trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho nguyên đơn Công ty Cổ phần I **3.722.000 đồng** (Ba triệu bảy trăm hai mươi hai nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp, theo biên lai thu tiền số 003213 ngày 25/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 17/12/2018). Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên toà nên thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự Tp. Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự Q. Ninh Kiều;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Huỳnh Kim Yến

